

**Phụ lục I**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,**  
**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG**  
**TRƯỜNG MẦM NON NAM HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 - 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON NAM HƯNG
2. Địa chỉ: Thôn Vân Đoài, xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.
  - Điện thoại: 0977819394
  - Địa chỉ thư điện tử: [tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn](mailto:tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn);
  - Cổng thông tin điện tử: <https://mnnamhung.haiphong.edu.vn>
3. Loại hình: công lập; Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Tiên Lãng, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

Tầm nhìn: Trường mầm non Nam Hưng phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào trường, trẻ có những kỹ năng cơ bản để học lên ở cấp học tiểu học và để phục vụ cuộc sống.

Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường mầm non Nam Hưng thuộc xã Nam Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1991 trên cơ sở hợp nhất các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo gọi là trường mầm non. Nhà trường đang được UBND huyện Tiên Lãng đầu tư xây dựng ở 1 Khu trung tâm của xã có tổng diện tích là 5.000m<sup>2</sup>; trường có 10 phòng học xây mới, 2 phòng chức năng dành cho trẻ, các phòng hành chính quản trị, Y tế, phòng làm việc của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, phòng nhân viên đảm bảo diện tích, đáp ứng cho công tác quản lý, chăm sóc- nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Với hơn 30 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, là điểm trường tập trung, đã tổ chức bán trú cho học sinh từ năm 2008 đến nay. Trường có chi bộ Đảng độc lập, trực thuộc Đảng ủy xã Nam Hưng gồm có 17 đảng viên; có Công đoàn cơ sở gồm 27 đoàn viên công đoàn.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng, trường được đầu tư xây mới toàn bộ hạ tầng cơ sở, các trang thiết bị phục vụ nuôi và dạy trẻ đang dần được đầu tư theo hướng chuẩn, hiện đại.

Về chất lượng dạy và học: Nhà trường đã không ngừng phát triển, chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ ngày càng nâng cao. Nhà trường luôn lấy mục tiêu giáo dục toàn diện và hình thành nhân cách cho trẻ là mục tiêu hàng đầu. Nhiều năm trường được UBND huyện công nhận Tập thể lao động tiên tiến.

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 nhằm làm rõ định hướng, xác định mục tiêu và các giải pháp chủ yếu giúp nhà trường không ngừng phát triển, xây dựng nhà trường vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới.

\*Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phảng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0977819394
- Thư điện tử: [tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn](mailto:tl-mnnamhung@haiphong.edu.vn)

\*Tổ chức bộ máy:

- Trường được thành lập từ năm 2005 theo quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005.

b) Quyết định bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường Trường Mầm Non Nam Hưng số: 317/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Tiên Lãng;

Chủ tịch hội đồng trường: Nguyễn Thị Phảng

Danh sách thành viên hội đồng trường:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
1	Bà Nguyễn Thị Phảng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Hồng	Phó hiệu trưởng, CTCD	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Nhung	Phó hiệu trưởng	Thành viên

4	Ông Nguyễn Bá Định	PCT UBND xã Nam Hưng	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Duyên	Tổ trưởng Tổ MG	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Hà	Tổ trưởng Tổ NT	Thành viên
7	Bà Lương Thị Oanh	Khối trưởng 4 tuổi	Thành viên
8	Bà Phạm Thị Sâm	Khối trưởng 3 tuổi	Thành viên
9	Bà Dương Thị Thiết	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Hoa	Tổ trưởng tổ VP	Thành viên
11	Bà Nguyễn Văn Dung	Đại diện Hội CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Đồng chí Hiệu trưởng Nguyễn Thị Phảng được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của UBND huyện Tiên Lãng.

- Đồng chí phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hồng phụ trách nuôi dưỡng được UBND huyện Tiên Lãng bổ nhiệm theo Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Thị Nhung Phó hiệu trưởng số 2680/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND huyện Tiên Lãng.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ ĐIỆN THOẠI	ĐỊA CHỈ GMAIL
1	Bà Nguyễn Thị Phảng	Hiệu trưởng	0977819394	<a href="mailto:ntphang@gmail.com">ntphang@gmail.com</a>
2	Bà Nguyễn Thị Hồng	Phó hiệu trưởng	0362633989	<a href="mailto:nhongmnh2@gmail.com">nhongmnh2@gmail.com</a>
3	Bà Nguyễn Thị Nhung	Phó hiệu trưởng	0904476524	<a href="mailto:Thaonhi8484@gmail.com">Thaonhi8484@gmail.com</a>

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	19	19	0	0	0	19	
Nhân viên	07	07	0	0	05	02	
<b>Cộng</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>05</b>	<b>24</b>	

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường Mầm non Nam Hưng được xây dựng khang trang với tổng diện tích đất mặt bằng khuôn viên nhà trường là 5.000 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng công trình 2.214,27m<sup>2</sup> chiếm 44,3% tổng diện sử dụng, vượt so với tiêu chuẩn quy định (40%), có sơ đồ quy hoạch tổng thể nhà trường. Diện tích sân vườn được qui hoạch phù hợp diện tích đất sử dụng được qui hoạch.

Trường xây dựng gồm 10 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng Hội trường, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hành chính, 01 phòng y tế, 01 phòng nhân viên, 01 bếp ăn, 01 phòng bảo vệ cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có đầy đủ theo quy định; Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Trường Mầm non Nam Hưng đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số: 1883/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 4653/QĐ-UBND thành phố Hải Phòng ngày 31/12/2022.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

Trong năm học 2023-2024 trường mầm non Nam Hưng luôn thực hiện tốt việc tuyên truyền để quán triệt đến đội ngũ và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non và thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua đạt kết quả tốt.

Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật: QĐ phân công nhiệm vụ; QĐ thành lập các Hội đồng trong trường; các Quy chế, nội quy trong đơn vị. Thực hiện công khai dân chủ, có bảng công khai theo định kỳ và công khai hàng tháng hoặc công khai theo sự kiện. Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên. Quản lý chặt chẽ cán bộ, giáo viên và nhân viên, không có CB, GV, NV vi phạm pháp luật. Quản lý tốt các nguồn tài chính và tài sản của đơn vị. Quản tốt trẻ đến trường đảm bảo an toàn tuyệt đối khi trẻ ở trường.

- Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng “Môi trường giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm”, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, chỉ đạo khắc phục những yếu tố gây nguy cơ mất an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp.

- Tổ chức cho 27/27 cán bộ giáo viên, nhân viên ký cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ tại trường. Do vậy trong năm học vừa qua nhà trường

đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối 295/295 = 100% các cháu được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về thể chất và tinh thần.

Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm

- 10/10 lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyên đề GPST “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non*”.

- Tổng số giáo viên được đánh giá: 18 giáo viên; kết quả đánh giá xếp loại tốt: 05 GV. Khá: 10 GV. Đạt: 03 GV.

- Thực hiện giải pháp cấp trường: “*Nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non*”.

- Tổng số giáo viên được đánh giá: 14 giáo viên; kết quả đánh giá xếp loại tốt: 06 GV. Khá: 08 GV.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*” giai đoạn 2.

- Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả Chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*”

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, bồi dưỡng giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ tại các nhóm lớp.

Kết quả đánh giá chất lượng trẻ theo các lĩnh vực cuối năm đạt:

Đánh giá lần II	Phát triển thể chất (số trẻ, %)	Phát triển tình cảm XH (số trẻ, %)	Phát triển ngôn ngữ (số trẻ, %)	Phát triển nhận thức (số trẻ, %)	Phát triển thẩm mỹ (số trẻ, %)	Đánh giá chung
Đạt	285 = 97%	277 = 94%	283 = 96%	282 = 96%	226 = 96%	286 = 97%
Cần cố gắng	10 = 3%	16 = 5%	12 = 4%	13 = 4%	10 = 4%	10 = 3%
Chưa đạt	0	0	0	0	0	0

Duy trì và phát huy tốt phong trào xây dựng môi trường thân thiện - học sinh tích cực: 100% thành viên trong nhà trường được quán triệt nội dung xây dựng môi trường thân thiện và thực hiện tốt công việc bản thân phụ trách.

Hướng dẫn giáo viên quan tâm đến trẻ qua việc lắng nghe, quan sát những biểu hiện của trẻ trong khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày. Thực hiện tốt chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em*”.

- 95% Trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp với bạn bè và mọi người xung quanh. Lễ phép với người lớn, thương yêu bạn.

- 95% trẻ mẫu giáo biết chăm sóc cây xanh, biết giữ vệ sinh môi trường.
- 100 % các lớp đều có góc thiên nhiên, vườn rau và thường xuyên tổ chức cho trẻ chăm sóc cây xanh.
- 100 % các lớp đều thực hiện các thùng rác thân thiện tại nhóm lớp, giáo dục trẻ thói quen giữ gìn vệ sinh lớp sạch sẽ.
- Nhà trường xây dựng và triển khai nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường, thực hiện công khai minh bạch. Thực hiện 3 công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư Số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Các khoản thu, mức thu được thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thể hiện bằng văn bản; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức tối đa đối với những khoản thu có quy định mức tối đa.

Việc triển khai thực hiện công khai, lấy ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh đối với các khoản thu được thông qua buổi họp các lớp đầu năm học và phiếu lấy ý kiến của cha mẹ học sinh.

Mức chi do nhà trường tính toán xây dựng kế hoạch, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí thu được.

Trường sử dụng các khoản thu đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Công khai tiền ăn của trẻ hàng ngày, thực hiện thanh toán với đơn vị cung cấp lương thực, thực phẩm; sữa; chất đốt (gas) hàng tháng theo hóa đơn mua hàng thực tế và cập nhật theo dõi hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP;

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Tổ chức thu, chi và sử dụng các khoản đúng, đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng TC-KH và các đoàn kiểm tra đúng, đủ theo quy định hiện hành.

\*Kết quả thực hiện công tác thu chi tài chính được thể hiện cụ thể trong bảng số liệu sau:

**QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ  
THU- CHI CÁC KHOẢN NĂM HỌC 2023-2024**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo (Ngân sách 6T đầu năm 2024; các khoản năm học 2023 - 2024)	Năm báo cáo (Ngân sách 6T đầu năm 2023; các khoản năm học 2022 -2023)
1	2	3	4
<b>A</b>	<b>QUYẾT TOÁN THU,CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	60,310,356	200,806,471
1.2	Mức thu: NT: 92.000đ; MG: 85.000đ		
1.3	Tổng số thu trong năm	91,114,500	190,743,000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	151,424,856	391,549,471
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	151,424,856	391,549,471
1.6	Số chi trong năm	121,743,743	331,239,115
	Trong đó: -Bổ sung chi lương	0	190,820,091
	-Chi tăng cường cơ sở vật chất	48,697,497	40,146,799
	-Chi nghiệp vụ chuyên môn	48,697,497	100,272,225
	-Chi khác	24,348,749	0
1.7	Số dư cuối năm	29,681,113	60,310,356
1.8	<b>Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)</b>	0	
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>	0	
<b>2.1</b>	.....	0	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.1.2	Mức thu .....	0	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	0	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	0	

2.1.6	Số chi trong năm		0
	Trong đó:-Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học		0
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất		0
	-Chi công tác quản lý, chỉ đạo		0
	-Chi phúc lợi		0
	-Chi khác:.....		0
2.1.7	Số dư cuối năm		0
	.....		0
<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)</b>		0
<b>3.1</b>	.....		0
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
3.1.2	Tổng số thu trong năm		0
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		0
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		0
3.1.5	Số chi trong năm		0
	Trong đó:-.....		0
	-.....		0
	-.....		0
3.1.6	Số dư cuối năm		0
	.....		0
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....(Nếu có:Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>		0
<b>4.1.</b>	<b>Học thêm thứ 7</b>		0
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	24,498,250	5,231,968
4.1.2	Mức thu 35.000đ/ trẻ/ngày		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	38,310,000	129,215,000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	62,808,250	134,446,968
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	62,808,250	134,446,968
4.1.6	Số chi trong năm	62,808,250	109,948,718
	Trong đó: -Chi cho người tham gia	59,912,350	100,984,250

	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2,895,900	0
	- Chi phúc lợi, CSVC		8,964,468
4.1.7	Số dư cuối năm	0	24,498,250
<b>4.2.</b>	<b>Hỗ trợ người nấu ăn</b>	0	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.2.2	Mức thu từ 66.000đ/ trẻ/tháng đến 88.000đ/trẻ/tháng	0	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	156,419,704	151,855,400
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	156,419,704	151,855,400
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	156,419,704	151,855,400
4.2.6	Số chi trong năm	156,419,704	151,855,400
	Trong đó: - Chi Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	156,106,944	148,818,292
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	312,760	3,037,108
4.2.7	Số dư cuối năm	0	0
<b>4.3.</b>	<b>Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính</b>	0	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	20,776,360	14,700,654
4.3.2	Mức thu 10.000đ/ trẻ/ngày	437,340,000	334,944,000
4.3.3	Tổng số thu trong năm	437,340,000	334,944,000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	458,116,360	349,644,654
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	458,116,360	349,644,654
4.3.6	Số chi trong năm	440,908,442	328,868,294
	Trong đó: -Chi cho người tham gia	366,560,642	284,702,400
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	8,746,800	6,698,880
	- Chi phúc lợi, CSVC	65,601,000	37,467,014
4.3.7	Số dư cuối năm	17,207,918	20,776,360
<b>4.4.</b>	<b>Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh</b>	0	
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	900,000	119,000
4.4.2	Mức thu : Học sinh mới : 250.000đ/trẻ/năm, HS cũ: 200.000đ/trẻ/năm	66,950,000	65,850,000
4.4.3	Tổng số thu trong năm	66,950,000	65,850,000

N T/...  
 ỨNG  
 NG  
 ỨNG  
 ỨNG

4.4.4	Tổng kinh phí đượcsử dụng trong năm	67,850,000	65,969,000
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	67,850,000	65,969,000
4.4.6	Số chi trong năm	67,382,800	65,069,000
	Trong đó: -Chi mua đồ dùng phục vụ bán trú cho người học	67,382,800	65,069,000
4.4.7	Số dư cuối năm	467,200	900,000
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>	0	
<b>5.1</b>	.....	0	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu ....	0	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	0	
5.1.4	Tổng kinh phí đượcsử dụng trong năm	0	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	0	
5.1.6	Số chi trong năm	0	
	Trong đó: -Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy	0	
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	
	-Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	0	
	-Chi phúc lợi	0	
	-Chi khác:.....	0	
5.1.7	Số dư cuối năm	0	
	.....	0	
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>	0	
<b>6.1</b>	<b>Tiền phục vụ ăn bán trú</b>	0	
6.1.1	Số học sinh	295	283
6.1.2	Mức thu 20.000đ/trẻ/ngày	0	
6.1.3	Tổng thu	905,300,000	891,719,000
6.1.4	Chi	905,300,000	891,719,000

6.1.5	Dư		0	0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>		0	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>		0	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	
	Chi thanh toán cá nhân		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
1.2	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>		0	
	Chi thanh toán cá nhân		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		0	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
	Chi thanh toán cá nhân		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	
	Chi thanh toán cá nhân		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>		0	
1	Học phí		0	
2	Học nghề		0	



3	Học Tiếng anh		0	
4	Học kỹ năng sống		0	
5	Trông giữ xe đạp		0	
6	.....		0	
	.....		0	
<b>B</b>	<b>QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		0	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>		0	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
	Chi thanh toán cán hân		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	
	Chi thanh toán cá nhân		0	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi tham quan học tập		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	1,377,167,208		1,250,742,804
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1,377,167,208		1,250,742,804
	Chi thanh toán cá nhân	1,157,309,484		1,114,907,633
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	32,680,000		97,621,271
	Chi mua sắm sửa chữa	126,879,200		33,359,000
	Chi khác	60,298,524		4,854,900
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0	108,933,250
	Chi thanh toán cá nhân		0	108,933,250
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0	
	Chi mua sắm sửa chữa		0	
	Chi khác		0	

II	Nguồn viện trợ	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
	.....	0

\*Biểu tổng hợp danh mục các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến các khoản thu năm học 2024-2025:

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023 - 2024,  
DỰ KIẾN NĂM HỌC 2024 - 2025**

*ĐVT: đồng*

STT	Nội dung thu	Định mức thu/trả	
		Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I	Thu bắt buộc		
1	Học phí	NT: 92.000đ/trẻ/tháng MG: 85.000đ/trẻ/tháng	NT: 92.000đ/trẻ/tháng MG: 85.000đ/trẻ/tháng
II	Thu thỏa thuận		
1	Quỹ mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		
	<i>Đối với học sinh tuyển mới</i>	300.000đ/trẻ/năm	300.000đ/trẻ/năm
	<i>Đối với học sinh tuyển cũ</i>	200.000đ/trẻ/năm	200.000đ/trẻ/năm
2	Hỗ trợ lương, trực trưa cô nuôi	Từ 70.000đ đến 90.000đ/tháng/trẻ	Từ 60.000đ đến 90.000đ/tháng/trẻ
3	Quản lý ngoài giờ hành chính	10.000đ/trẻ/ngày	10.000đ/trẻ/ngày
4	Chất đốt	Từ 1.000đ đến 2.000đ/tháng/trẻ	Từ 1.000đ đến 2.000đ/tháng/trẻ
5	Tiền ăn	20.000đ/ngày	22.000đ/ngày

<b>III</b>	<b>Thu tự nguyện</b>
<b>1</b>	<b>Quỹ lớp: Thu trên tinh thần tự nguyện ủng hộ đóng góp của các bậc phụ huynh</b>

### **VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Tập thể và cá nhân, phát huy được các nhân tố tích cực trong đơn vị; phát huy được vai trò các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:
- Không để xảy ra tai nạn, ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh trong nhà trường; không có tình trạng phụ huynh phản ánh về các hoạt động nuôi dạy.
- Ngày càng nâng cao chất lượng nuôi dạy trong nhà trường.
- Thực hiện phương pháp dạy học theo hướng giải quyết vấn đề đảm bảo tính linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả.
- Tuyên truyền vận động, tổ chức thực hiện mô hình xã hội hóa, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội và ATGT.
- Tích cực tham gia đầy đủ các cuộc vận động, các Phong trào thi đua do ngành, cấp trên tổ chức và phát động.
- Năm học 2024-2025 tập thể nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến, xếp thứ 5 trong toàn huyện.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- UBND xã;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Phảng**